

The Saigon International  
University



Khóa luận  
tốt nghiệp

Thành phố Hồ Chí Minh - 2023

---

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Ngành*

**LUẬT KINH TẾ**

*Đề tài*

**NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VÀ THỰC  
TIỄN VỀ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG  
TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

*Giảng viên hướng dẫn*

ThS. PHẠM THỊ CẨM NGỌC

*Sinh viên*

NGUYỄN MINH TẤN

MSSV: 97381901672



**The Saigon  
International  
University**

**Lewis Campus**

Email: [admission@siu.edu.vn](mailto:admission@siu.edu.vn)

Website: [www.siu.edu.vn](http://www.siu.edu.vn)

## LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan nội dung khóa luận tốt nghiệp “*Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hủy bỏ hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*” là kết quả của quá trình nghiên cứu, phân tích, tìm hiểu của bản thân tác giả dưới sự hướng dẫn tận tình của ThS. Phạm Thị Cẩm Ngọc.

Mọi thông tin tham khảo đều được trích dẫn đầy đủ và đúng quy định.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2023

**Sinh viên**

**NGUYỄN MINH TẤN**

## LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn đến ban lãnh đạo Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn và các thầy cô, cán bộ nhân viên trong trường đã giúp đỡ em trong 4 năm học vừa qua, đồng thời hỗ trợ em trong việc tổng hợp và khai thác thông tin một cách hiệu quả nhất. Cảm ơn cô Phạm Thị Cẩm Ngọc đã tận tình giảng dạy và chỉ bảo trong suốt thời gian thực hiện khóa luận và giúp em hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này. Được học tập dưới ngôi trường này cũng là vinh dự và may mắn của em. Kính chúc quý thầy cô luôn nhiều thành công, tận tâm với sự nghiệp và chúc Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn ngày càng phát triển, chất lượng giảng dạy và học tập không ngừng được nâng cao, đổi mới, phát triển.

Bên cạnh đó em cũng xin gửi lời cảm ơn đến Thư viện Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn, các cơ quan, khoa Luật đã tạo điều kiện thuận lợi cho em nghiên cứu, hoàn thành khóa luận.

Khóa luận tốt nghiệp này là công trình nghiên cứu đầu tay của em, do đó, không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý chân thành từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.



# MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN .....</b>	<b>3</b>
<b>LỜI CẢM ƠN .....</b>	<b>4</b>
<b>NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN.....</b>	<b>5</b>
<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>6</b>
<b>LỜI NÓI ĐẦU.....</b>	<b>9</b>
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CĂN CỨ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015 .....</b>	<b>14</b>
1.1. Cơ sở lý luận về căn cứ hủy bỏ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 .....	14
1.1.1. Quy định về hợp đồng theo pháp luật Việt Nam.....	14
1.1.2. Quy định về Hủy bỏ hợp đồng theo pháp luật Việt Nam.....	14
1.1.3. Các căn cứ pháp lý về hủy bỏ hợp đồng.....	16
1.1.4. Hậu quả pháp lý. ....	27
1.2. So sánh hủy hợp đồng với các chế tài đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và tạm ngừng thực hiện hợp đồng .....	36
1.3. Cơ sở pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng theo Công ước viên 1980.....	37
1.4. Cơ sở pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng theo pháp luật Hoa Kỳ.....	38
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH HỦY BỎ HỢP ĐỒNG DÂN SỰ TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI.....</b>	<b>42</b>
2.1. Thực tiễn về hủy bỏ hợp đồng theo thỏa thuận của các bên trong pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài .....	42
2.1.1. Thực trạng pháp luật hủy bỏ hợp đồng theo thỏa thuận của các bên.....	42
2.1.2. Thực tiễn xét xử hủy bỏ hợp đồng theo thỏa thuận của các bên.....	46

2.1.3. Thực tiễn về chế định hủy bỏ hợp đồng theo thỏa thuận của các bên theo pháp luật Quốc tế.....	49
2.2. Thực tiễn về hủy bỏ hợp đồng do vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài .....	52
2.2.1. Thực trạng pháp luật .....	52
2.2.2. Thực tiễn xét xử .....	56
2.2.3. So sánh với pháp luật nước ngoài .....	59
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CHẾ ĐỊNH HỦY BỎ HỢP ĐỒNG .....</b>	<b>62</b>
3.1. Hạn chế, bất cập .....	62
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật....	70
3.2.2. Kiến nghị khi hủy bỏ hợp đồng dựa trên thỏa thuận của các bên .....	70
3.2.3. Kiến nghị khi hủy bỏ hợp đồng do vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng. ....	72
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>74</b>
<b>TÓM TẮT KẾT QUẢ CỦA KHÓA LUẬN.....</b>	<b>75</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>76</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>80</b>

## DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG ĐƯỢC VIẾT TẮT
1	BLDS	Bộ luật Dân sự
2	LTM 2005	Luật Thương mại 2005
3	CISG	Công ước Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
4	WTO	World Trade Organization Tổ chức thương mại thế giới
5	BTTH	Bồi thường thiệt hại



# LỜI NÓI ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển theo hướng hội nhập mạnh mẽ với nền kinh tế thế giới, nhất là từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Trong quá trình đó, hợp đồng có vai trò rất quan trọng, là công cụ pháp lý chủ yếu để các chủ thể thực hiện các hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận. Hợp đồng là thỏa thuận giữa các bên làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ nhằm đạt được lợi ích hợp pháp mà họ mong muốn khi giao kết. Thực tế cho thấy lợi ích hợp pháp mong đợi thường không đạt được theo ý muốn vì hợp đồng không được thực hiện như dự tính. Trước hoàn cảnh này, bên không được thực hiện có thể yêu cầu bên kia bồi thường thiệt hại, hủy bỏ hợp đồng. Điều này là hoàn toàn hợp lý, bởi lẽ sau khi đã ký kết hợp đồng và hợp đồng đã phát sinh hiệu lực, các bên phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Tuy nhiên, không phải lúc nào các bên cũng đạt được mục đích đặt ra khi ký kết hợp đồng, điều này có nghĩa là một trong các bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng và gây thiệt hại cho phía bên kia. Vi phạm hợp đồng, tùy thuộc vào mức độ vi phạm và quy mô của hợp đồng, sẽ ảnh hưởng nhất định đến các quan hệ kinh doanh, đến sự ổn định và phát triển chung của nền kinh tế. Trong trường hợp như vậy, pháp luật của tất cả các nước cũng như các văn bản pháp lý quốc tế quy định những biện pháp chế tài đối với bên vi phạm nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của bên bị thiệt hại.

Một trong những chế tài đó là hủy bỏ hợp đồng trong BLDS Việt Nam, chế tài hủy hợp đồng được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, cụ thể là trong BLDS và Luật Thương mại hiện hành. Khi nghiên cứu về chế định này, một trong các vấn đề quan trọng, làm tiền đề áp dụng là điều kiện hủy bỏ hợp đồng, hay nói cách khác là các căn cứ hủy bỏ hợp đồng. Tuy nhiên, hai đạo luật này quy định chưa được thống nhất và rõ ràng về chế tài hủy bỏ hợp đồng nói chung và căn cứ áp dụng chế tài này nói riêng. Thực trạng đó của pháp luật là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc áp dụng chế tài này trong thực tiễn giải quyết tranh chấp gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Việc tìm hiểu một cách có hệ thống các quy định của Pháp luật

Việt Nam hiện hành về chế định trong Dân sự, Thương mại và thực tiễn vận dụng luật là vấn đề có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn. Trong khoa học Pháp lý Việt Nam trong thời gian qua vấn đề này đã có một số tác giả quan tâm nghiên cứu, tuy nhiên vì tầm quan trọng của vấn đề và trong bối cảnh BLDS mới được sửa đổi (BLDS2015) việc nghiên cứu vấn đề này là rất cần thiết. Chính vì những lý do trên nên tác giả đã chọn vấn đề **“Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hủy bỏ hợp đồng trong pháp luật Việt Nam”** để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp cử nhân đại học.

## **2. Tình hình nghiên cứu.**

Trong quá trình hội nhập kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới, mở rộng giao thương đến nhiều loại chủ thể và các thành phần kinh tế, thì hợp đồng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế nước ta. Cùng với đó, việc nghiên cứu pháp luật về hợp đồng nói chung và hủy bỏ hợp đồng nói riêng luôn là chủ đề có tính thời sự. Ở nước ngoài, đã có một số công trình nghiên cứu về hợp đồng có liên quan đến hủy bỏ hợp đồng đã được công bố, có thể kể ra một số công trình tiêu biểu như: Sir William R. Anson (1965), *Principles of the English Law of Contract and of Agency in its Relation to Contract*, Twenty- second edition, Oxford at the Clarendon Press; David E. Allan & Mary E. Hiscock (1992), *Law of Contract in Australia*, 2nd edition, Key Text, Australia; John Cartwright và Martijn W. Hesselink (2011), *Precontractual Liability in European Private Law*, Cambridge; Công trình nghiên cứu của tác giả Jorge Ivan Salazar Tamez: “The CISG Remedies of Specific Performance, Damages and Avoidance, Compared to the Equivalent in the Mexican Law on Sales”.

Có một số bài viết liên quan đến đề tài được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật: “Một số ý kiến về phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam” của các tác giả Dương Anh Sơn và Lê Thị Bích Thợ; Vấn đề hủy bỏ, đình chỉ hợp đồng do bị vi phạm trong BLDS Việt Nam (Đỗ Văn Đại) đăng trên tạp chí khoa học pháp luật số: 3/2004. Cuốn sách *Chế định hợp đồng trong BLDS Việt Nam* của tác giả Nguyễn Ngọc Khánh do Nhà xuất bản (Viết tắt là Nxb) Tư pháp, xuất bản năm 2007; Cuốn sách “*Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, tập 1*” của tác giả Đỗ Văn Đại, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật năm 2013; “*Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, tập 2*” của tác giả Đỗ

Văn Đại, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật năm 2017; Giáo trình “Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” (tái bản lần 1, có sửa đổi bổ sung), Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam năm 2019; Cuốn sách Bình luận khoa học BLDS2015 tập II của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư Pháp, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội năm 2015 ...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nêu trên đều có đề cập đến các chế tài được điều chỉnh trong pháp luật hợp đồng Việt Nam như một phần nghiên cứu của đề tài. Tuy nhiên, phần lớn tập trung nghiên cứu các chế tài dưới góc độ trách nhiệm vật chất do vi phạm hợp đồng, còn chế tài hủy hợp đồng chưa được nghiên cứu một cách độc lập.

Trong phạm vi đề tài “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hủy bỏ hợp đồng dân sự trong pháp luật Việt Nam”, tác giả đi sâu nghiên cứu những vấn đề pháp lý liên quan đến hủy hợp đồng bằng biện pháp chế tài trong lưu thông Dân sự và hoạt động thương mại. Từ những vấn đề mang tính chất lý luận chung, đến phân tích, so sánh, bình luận các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành về văn bản áp dụng, hậu quả pháp lý cùng với mối liên hệ của chế tài hủy bỏ hợp đồng với các chế tài khác. Qua đó, tác giả nêu lên những điểm còn bất cập trong quy định của Pháp luật đối với những vấn đề nêu trên và đưa ra một số các khuyến nghị, với hy vọng góp phần hoàn thiện các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành về chế tài hủy bỏ hợp đồng trong hoạt động thương mại và lưu thông Dân sự.

Khóa luận góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận liên quan đến hủy bỏ hợp đồng như là khái niệm, đặc điểm, bản chất, pháp luật điều chỉnh. Khóa luận cũng đưa ra cái nhìn tổng quan về pháp luật liên quan đến hủy bỏ hợp đồng và thực tiễn thực hiện, góp phần làm phong phú thêm tri thức khoa học pháp lý chuyên ngành. Kết quả nghiên cứu đề tài này cũng chỉ ra điểm còn thiếu sót và hạn chế trong quy định về hủy bỏ hợp đồng của BLDS2015, đồng thời đề xuất các kiến nghị với mục đích góp phần hoàn thiện hơn, có tính khả thi hơn đối với quy định về vấn đề này. Các giải pháp mà luận văn đưa ra sẽ giúp giải quyết phần nào những khó khăn vướng mắc trong thực tế, hạn chế được những bất cập có thể phát sinh trong giao lưu dân sự cũng như hoạt động kinh doanh thương mại.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.**

#### **3.1. Mục tiêu.**

Làm rõ cơ sở pháp lý và thực trạng áp dụng các quy định hiện hành về chế tài hủy bỏ hợp đồng của pháp luật Việt Nam, từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện các quy định này phù hợp với hướng phát triển chung của pháp luật thế giới và các hiệp ước thương mại Quốc tế.

#### **3.2. Nhiệm vụ.**

Làm rõ cơ sở pháp lý về hợp đồng và chế tài hủy bỏ hợp đồng theo các quy định của pháp luật Việt Nam; nhìn nhận trong tương quan với các hệ thống pháp luật khác và các hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Nghiên cứu thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật về chế tài hủy bỏ hợp đồng và những bất cập, hạn chế gây khó khăn cho các đối tượng yêu cầu áp dụng.

Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định này phù hợp với hướng phát triển chung của pháp luật thế giới .

### **4. Đối tượng nghiên cứu.**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các quy định của BLDS2015 về Hủy bỏ hợp đồng và so sánh với các quy định của Luật Thương mại. Cụ thể, làm rõ những vấn đề mang tính chất lý luận chung như: khái niệm, bản chất, sự cần thiết của việc áp dụng chế tài này trong hoạt động ký kết hợp đồng Dân sự, mối liên hệ giữa chế tài hủy bỏ hợp đồng với các chế tài khác. Phân tích các quy định của pháp luật về điều kiện áp dụng, hậu quả pháp lý của việc áp dụng đối với từng biện pháp, làm rõ các căn cứ để phân biệt chế tài hủy bỏ hợp đồng với các loại chế tài khác như đình chỉ thực hiện hợp đồng. Đồng thời, có nghiên cứu thực tiễn áp dụng các chế tài này vào việc giải quyết một số vụ việc tranh chấp cụ thể.

### **5. Phạm vi nghiên cứu.**

Về mặt nội dung: Khóa luận chỉ tập trung nghiên cứu các quy định cụ thể về quy định hủy bỏ hợp đồng theo các văn bản pháp luật Luật Thương mại 2005, BLDS2015, CISG 1980 và một số vấn đề lưu ý trong các hệ thống pháp luật phổ biến khác, ngoài ra tác giả còn phân tích về thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng qua

một số vụ việc cụ thể có liên quan để đưa ra kiến nghị đối với một số điều kiện hủy bỏ hợp đồng.

Về không gian: Khóa luận nghiên cứu các trường hợp áp dụng cụ thể tại Việt Nam và một số trường hợp tiêu biểu trên thế giới.

## **6. Phương pháp nghiên cứu.**

Phương pháp luận: Để giải quyết các yêu cầu mà đề tài đặt ra, trong quá trình nghiên cứu luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp nghiên cứu khoa học biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Phương pháp nghiên cứu khóa luận đã sử dụng các phương pháp cụ thể:

(i) Phương pháp phân tích, tổng hợp: nhằm làm sáng tỏ vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và chế tài hủy bỏ hợp đồng.

(ii) Phương pháp nghiên cứu vụ việc: đưa ra các ví dụ thực tế để phân tích việc áp dụng luật, cũng như bình luận các bản án, nhằm đánh giá việc thực hiện pháp luật trong thực tế.

(iii) Phương pháp so sánh: các quy định pháp luật Việt Nam với pháp luật một số nước trên thế giới, so sánh các quy định của LTM 2005, BLDS 2015 để làm rõ vấn đề cần phân tích.

(iv) Phương pháp phân tích đánh giá: để đánh giá pháp luật và tìm ra những hạn chế của pháp luật quy định chưa phù hợp, nhằm đưa ra một số hướng giải quyết cụ thể.

## **7. Bố cục.**

Chương 1: Cơ Sở Lý Luận Về Căn Cứ Hủy Bỏ Hợp Đồng Theo Quy Định Của BLDS2015.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng chế định hủy bỏ hợp đồng dân sự trong pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về chế định hủy bỏ hợp đồng.

# **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CĂN CỨ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015**

## **1.1. Cơ sở lý luận về căn cứ hủy bỏ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015.**

### **1.1.1. Quy định về hợp đồng theo pháp luật Việt Nam**

Việt Nam đã và đang bước vào giai đoạn công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Chính vì vậy việc sử dụng và áp dụng luật hợp đồng không còn quá xa lạ mà đã trở nên phổ biến trong chính cuộc sống hàng ngày đến trong các thương vụ kinh doanh... Pháp luật hợp đồng Việt Nam trải qua các thời kỳ hình thành và phát triển với các quan điểm và khái niệm khác nhau về hợp đồng. Đến nay khái niệm về hợp đồng được BLDS2015 quy định tại Điều 385 như sau: “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”<sup>1</sup>. Hợp đồng hiện nay được hiểu theo rất nhiều nghĩa, nếu theo nghĩa khách quan là một chế định pháp lý quan trọng của Bộ luật Dân sự, còn theo nghĩa chủ quan là một giao dịch dân sự. Vậy có thể tham khảo một định nghĩa chung nhất về mặt lý luận: “Hợp đồng là sự thỏa thuận của hai hay nhiều bên nhằm xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu, sử dụng tài sản và các lợi ích khác, làm một việc hay không làm một việc để thỏa mãn lợi ích nhất định của các bên hoặc của người thứ ba được chỉ định trong hợp đồng”<sup>2</sup>.

### **1.1.2. Quy định về Hủy bỏ hợp đồng theo pháp luật Việt Nam**

Nền kinh tế thị trường ở nước ta dựa trên sự thiết lập nền tảng pháp lý quyền tự do kinh doanh trong quan hệ dân sự, thương mại và phương thức hình thành chủ yếu là thông qua các quan hệ hợp đồng. Theo nguyên tắc các bên phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng một cách thiện chí, trung thực đúng nội dung cam kết, thỏa thuận. Tuy nhiên trong thực tế, trong nhiều trường hợp vì nhiều lý do khác nhau, một trong các bên có hành vi vi phạm hợp đồng. Hành vi vi phạm hợp đồng sẽ làm cho lợi ích của các bên không còn ngang bằng, phá vỡ trật tự của lưu thông Dân sự. Để hạn chế sự

---

<sup>1</sup> Điều 385. Khái niệm hợp đồng. Quốc hội (ngày 24 tháng 5 năm 2015). BLDS2015 số 91/2015/QH13. Thư viện pháp luật.

<sup>2</sup> Trường đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2016), Giáo trình Pháp luật về Hợp đồng và Bồi Thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, tr. 112.

vi phạm và để thiết lập lại trật tự trên, pháp luật của các nước đều thiết kế những biện pháp pháp lý - chế tài và cho phép bên bị vi phạm hợp đồng áp dụng chúng khi có sự vi phạm hợp đồng của bên kia. Một trong những biện pháp đó là chế tài hủy bỏ hợp đồng.

BLDS 2015 không quy định cụ thể về khái niệm hủy bỏ hợp đồng. Tuy nhiên qua cách hiểu cũng như các điều luật được quy định ta có thể khái quát : Hủy bỏ hợp đồng là hình thức chấm dứt hiệu lực của hợp đồng đã được giao kết hợp pháp theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật. Hủy bỏ hợp đồng có ảnh hưởng lớn đến lợi ích của các bên khi tham gia quan hệ hợp đồng bởi vì đây là hình thức buộc các bên phải chấm dứt việc thực hiện mọi nghĩa vụ hợp đồng, bất kể những chi phí và lợi ích mà các bên đã bỏ ra trong quá trình thực hiện hợp đồng cho đến thời điểm hợp đồng bị hủy<sup>3</sup>. Theo nguyên tắc, khi hợp đồng được giao kết không vi phạm những điều kiện có hiệu lực của hợp đồng do pháp luật quy định thì phát sinh cơ sở ràng buộc về mặt pháp lý đối với các bên từ thời điểm giao kết, các bên phải tuân thủ hợp đồng mà không được tự ý sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Đồng thời, các bên phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng một cách thiện chí, trung thực đúng nội dung cam kết, thỏa thuận. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng luôn tiềm ẩn những nguyên nhân chủ quan và khách quan khiến cho các nghĩa vụ hợp đồng không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ như cam kết. Khi đó, nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên trong quan hệ này, pháp luật trao cho họ quyền được tuyên bố hủy bỏ hợp đồng<sup>4</sup>.

Khoản 1 Điều 425 BLDS năm 2005 quy định một bên có quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi có một trong các căn cứ như vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. BLDS năm 2015 tại điểm b Khoản 1 Điều 423 bổ sung thêm căn cứ “bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng”.

---

<sup>3</sup> Quốc hội (ngày 24 tháng 5 năm 2015). Điều 423. Hủy bỏ hợp đồng. BLDS 2015 số 91/2015/QH13. Thư viện pháp luật.

<sup>4</sup> Võ Sỹ Mạnh (2017), “Hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng theo BLDS năm 2015”, Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, số 86/2017, tr. 2.

Đối với BLDS năm 2015 tiếp cận theo hướng xem là một trong những hình thức chấm dứt hợp đồng như đã trình bày ở phần trước. Bên cạnh đó, với quy định mang tính liệt kê của BLDS hiện hành, hủy bỏ hợp đồng là biện pháp xử lý việc một bên không thực hiện đúng nghĩa vụ là điều kiện hủy bỏ hợp đồng do các bên thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định, làm cho hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết<sup>5</sup>.

Điều 1183 BLDS Pháp năm 1804 quy định “Điều kiện hủy bỏ là điều kiện mà khi xảy ra thì nghĩa vụ bị hủy bỏ và các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu như chưa từng có cam kết. Điều kiện hủy bỏ không có hiệu lực hoãn lại việc thực hiện nghĩa vụ, mà chỉ buộc người có quyền phải hoàn trả những gì đã nhận trong trường hợp sự kiện quy định trong điều xảy ra”<sup>6</sup>.

Như vậy, hủy bỏ hợp đồng là hoàn cảnh hợp đồng đã được giao kết hợp pháp, đang có hiệu lực và đáng lẽ ra phải được thực hiện tới cùng thì nay bị triệt tiêu hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Lý do hủy bỏ hợp đồng không tồn tại vào thời điểm giao kết mà phát sinh trong quá trình thực hiện, cụ thể là do có sự vi phạm hợp đồng của một bên theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật. Khi hợp đồng bị hủy bỏ, các bên khôi phục tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

### **1.1.3. Các căn cứ pháp lý về hủy bỏ hợp đồng**

Hợp đồng được đề cập tới như là một giao dịch không thể thiếu của mỗi thành viên trong xã hội, việc giao kết hợp đồng chỉ mới tạo ra hình thức pháp lý cho quan hệ trao đổi, còn mục đích khi tham gia quan hệ của các bên có đạt được hay không phải thông qua việc thực hiện hợp đồng. Trên thực tế, vì nhiều lý do khác nhau mà một trong các bên có hành vi vi phạm hợp đồng. Hành vi này sẽ làm cho lợi ích của các bên không còn ngang bằng, ảnh hưởng đến mục đích khi giao kết hợp đồng của các bên. Để hạn chế sự vi phạm và để bảo đảm việc mục đích của các bên khi xác lập hợp đồng, pháp luật của các nước đều xây dựng những biện pháp pháp lý và cho phép bên bị vi phạm hợp đồng áp dụng chúng khi có sự vi phạm hợp đồng của bên kia. Một trong những biện pháp mà chúng ta đang nghiên cứu là quyền hủy bỏ hợp đồng

---

<sup>5</sup> Ngô Thị Minh Loan (2014), Hủy bỏ hợp đồng do bị vi phạm trong BLDS Việt Nam, Luận văn thạc sĩ luật, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, tr. 10.

<sup>6</sup> Võ Sỹ Mạnh (2017), tldđ (6), tr. 2.



của bên bị vi phạm. Trong giai đoạn giao kết hợp đồng, ở một mức độ nhất định các bên thường sẽ dự đoán được sẽ có hành vi vi phạm phát sinh trong giai đoạn thực hiện hợp đồng. Trên nguyên tắc tôn trọng sự thỏa thuận của các bên khi tham gia giao dịch dân sự, BLDS cho phép các bên trừ liệu các trường hợp vi phạm, từ đó được quyền thỏa thuận về điều kiện hủy bỏ đối với hợp đồng được xác lập. Quy định này đã được ghi nhận trong BLDS năm 2005, theo đó “Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận”. BLDS2015 cũng đã giữ nguyên quy định này tại điểm a khoản 1 Điều 423. Vì hợp đồng vốn dĩ được xác lập trên cơ sở các bên có những điểm chung khi tham gia vào giao dịch dân sự, muốn ràng buộc lẫn nhau để cùng thực hiện các cam kết, nên khi có sự vi phạm hợp đồng, thì các bên cũng có thể thống nhất ý chí tạo cơ chế nhằm tháo gỡ sự ràng buộc bởi hợp đồng.

Trên thực tế, cũng có trường hợp các bên không có thỏa thuận về điều kiện hủy bỏ. Đối với trường hợp này thì để xác định điều kiện phát sinh quyền hủy bỏ thì phải căn cứ vào các quy định của pháp luật. BLDS năm 2015 cũng đã liệt kê một số trường hợp từ Điều 423 đến Điều 426 điển hình như vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng, do không có khả năng thực hiện, do chậm thực hiện nghĩa vụ, do tài sản bị mất mát, hư hỏng và một số trường hợp trong phần quy định về các loại hợp đồng thông dụng tại Chương XVI. Bên cạnh đó nhằm để đảm bảo hiệu lực của các văn bản luật chuyên ngành trong những lĩnh vực cụ thể, BLDS năm 2015 cũng thừa nhận một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp khác do luật quy định. Đây là các trường hợp pháp luật trừ liệu nhằm hạn chế rủi ro cho bên bị vi phạm, nâng cao trách nhiệm của hai bên khi thực hiện hợp đồng.

Vậy căn cứ hủy bỏ hợp đồng là những điều kiện mà pháp luật thừa nhận, cho phép một bên trong quan hệ hợp đồng áp dụng để chấm dứt việc thực hiện nghĩa vụ của các bên, bãi bỏ hiệu lực hợp đồng kể từ thời điểm giao kết. Điều kiện để hủy bỏ hợp đồng chứa đựng những yếu tố sau: hợp đồng bị hủy bỏ bắt buộc phải có sự vi phạm hợp đồng **(i)**, hợp đồng bị hủy bỏ do ý chí của một bên chủ thể **(ii)** và bên tuyên bố hủy bỏ hợp đồng phải có quyền hủy bỏ hợp đồng **(iii)**.

### **1.1.3.1. Hủy bỏ hợp đồng khi có thỏa thuận về điều kiện hủy bỏ.**

Khi đề cập về căn cứ hủy bỏ hợp đồng, thì căn cứ đầu tiên thể hiện quyền tự do ý chí trong quan hệ hợp đồng đó là sự thỏa thuận của các bên. Khi giao kết hợp đồng dân sự các bên có quyền thống nhất ý chí là trong những trường hợp nhất định thì một bên được quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng, vì hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập thay đổi hoặc chấm dứt quyền nghĩa vụ dân sự nên việc thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng luôn được coi trọng. Hủy bỏ hợp đồng do bên kia vi phạm hợp đồng<sup>7</sup> là một trong những điều kiện hủy bỏ mà các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng. Khi một bên không tuân thủ các điều khoản và điều kiện quan trọng trong hợp đồng, bên bị vi phạm có quyền chấm dứt hợp đồng và có thể yêu cầu đền bù thiệt hại phát sinh do việc vi phạm đó. Việc xác định liệu bên kia đã vi phạm hợp đồng hay không thường phụ thuộc vào các điều khoản cụ thể và mức độ vi phạm. Các hành vi vi phạm hợp đồng có thể bao gồm không thực hiện nghĩa vụ, thực hiện không đúng theo hợp đồng, hoặc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan. Trong một số trường hợp, hợp đồng có thể quy định trước mức độ vi phạm cụ thể mà khi đạt đến, bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng. Khi bên kia vi phạm hợp đồng, bên bị vi phạm có thể lựa chọn các biện pháp pháp lý khác nhau, bao gồm yêu cầu tuân thủ, đòi hỏi đền bù thiệt hại, hoặc chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, để thực hiện việc hủy bỏ hợp đồng dựa trên vi phạm, thường cần tuân theo các quy định pháp lý và tham khảo ý kiến của một luật sư hoặc chuyên gia pháp lý để đảm bảo tính hợp lệ và hiệu lực của quyết định chấm dứt hợp đồng. Đối với trường hợp này để một vi phạm trở thành căn cứ hủy bỏ hợp đồng thì:

**Thứ nhất**, về hình thức, vi phạm này phải được thỏa thuận trong hợp đồng. Trong các giai đoạn từ khi đàm phán, thương lượng, giao kết hợp đồng, các bên có thể dự báo trước các vi phạm có thể xảy ra. Khi xảy ra các vi phạm đó, các bên nhận thấy nếu tiếp tục thực hiện hợp đồng sẽ gây thiệt hại cho các bên, chủ yếu là bên bị vi phạm và mong muốn dừng hẳn lại việc thực hiện hợp đồng đã giao kết, nên các bên được quyền thỏa thuận về các hành vi này với ý nghĩa là các điều kiện làm hợp đồng bị hủy bỏ. Một vi phạm là điều kiện hủy bỏ hợp đồng có giá trị ràng buộc về

---

<sup>7</sup> Điều a, khoản 1, Điều 423 Hủy bỏ hợp đồng. Quốc hội (ngày 24 tháng 5 năm 2015). BLDS 2015 số 91/2015/QH13. Thư viện pháp luật.

mặt pháp lý khi nó được các bên công nhận là điều khoản trong hợp đồng, thể hiện sự thống nhất trí của các chủ thể.

*Thứ hai*, về nội dung, khi thỏa thuận về điều kiện hủy bỏ hợp đồng thì thỏa thuận này không được trái đạo đức xã hội và trái với các quy định của pháp luật. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của BLDS năm 2015 tại khoản 2 Điều 3. Theo nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng, các bên chủ thể giao kết hợp đồng được quyết định mọi vấn đề liên quan đến hợp đồng, không có bất kỳ cá nhân, tổ chức nào kể cả Nhà nước được can thiệp, làm thay đổi ý chí của các bên chủ thể. Pháp luật cho phép các bên được định đoạt sự tồn tại của hợp đồng khi cho phép các bên thỏa thuận về căn cứ hủy bỏ hợp đồng. Nhưng việc thỏa thuận này phải nằm trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức xã hội.

Vậy tiền đề, cơ sở để một bên hủy bỏ hợp đồng khi bên đối tác vi phạm hợp đồng là sự vi phạm đó phải được các bên thỏa thuận là điều kiện hủy bỏ hợp đồng. Trong trường hợp pháp luật không quy định, bên bị vi phạm tuyên bố hủy bỏ hợp đồng nhưng không rơi vào các điều kiện hủy bỏ trong hợp đồng, hoặc các bên không có thỏa thuận thì được coi là chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, lúc này bên bị vi phạm sẽ trở thành bên vi phạm hợp đồng và phải bồi thường thiệt hại.

#### **1.1.3.2. Hủy bỏ hợp đồng do bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng.**

Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng<sup>8</sup> là khi một bên không thực hiện đầy đủ hoặc không tuân thủ các điều khoản và điều kiện đã được thỏa thuận trong hợp đồng một cách đáng kể, gây thiệt hại đáng kể cho bên kia. Đây là một vi phạm trọng tâm và có thể có hậu quả pháp lý nghiêm trọng.

Khi xảy ra vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng, bên bị thiệt hại có thể có các phương án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Một số phương án phổ biến bao gồm: Yêu cầu thực hiện: Bên bị thiệt hại có thể yêu cầu bên vi phạm thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Nếu bên vi phạm không thực hiện, bên bị thiệt hại có thể tìm đến tòa án hoặc trọng tài để đòi lại quyền lợi; Chấm dứt hợp đồng: Bên bị thiệt hại có thể yêu cầu chấm dứt hợp đồng nếu bên vi phạm không thể hoặc không

---

<sup>8</sup> Khoản 2 Điều 423 Hủy bỏ hợp đồng, Quốc hội (ngày 24 tháng 5 năm 2015). BLDS 2015 số 91/2015/QH13. Thư viện pháp luật.

muốn thực hiện đúng nghĩa vụ. Tuy nhiên, quyết định chấm dứt hợp đồng phải tuân thủ các quy định của pháp luật và điều khoản hợp đồng; Đòi bồi thường thiệt hại: Bên bị thiệt hại có thể đòi bồi thường thiệt hại từ bên vi phạm. Bồi thường có thể bao gồm số tiền bồi thường cho thiệt hại trực tiếp, thiệt hại gián tiếp, thiệt hại mất cơ hội và các loại thiệt hại khác phù hợp với tình huống cụ thể.

Ngoài ra Khoản 2 Điều 423 BLDS 2015 quy định: “Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng”. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng có thể bao gồm những hành vi sau: Không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ theo thỏa thuận; Cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ không đạt chất lượng hoặc không đúng yêu cầu đã thỏa thuận; Vi phạm các điều khoản về bảo mật, bảo mật thông tin hoặc bí mật thương mại; Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc an toàn lao động; Không thanh toán đúng hạn hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản tiền đã cam kết; Chuyển nhượng hoặc chấp nhận chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng mà không có sự đồng ý của bên kia. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, bao gồm mất mát tài sản, tổn thất kinh doanh, thiệt hại danh tiếng và việc phải chịu trách nhiệm pháp lý. Trong trường hợp này, bên bị vi phạm có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời Điều 423 BLDS 2015 cũng quy định về nghĩa vụ phải thông báo ngay cho bên còn lại biết về sự kiện hủy bỏ hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường<sup>9</sup>. Tuy nhiên, khi xuất hiện hành vi vi phạm thỏa mãn điều kiện hủy bỏ mà các bên quy định trong hợp đồng thì bên có quyền có thể áp dụng hoặc không thực hiện quyền hủy bỏ hợp đồng của mình.

CISG năm 1980 cũng có đề cập đến thuật ngữ “vi phạm cơ bản hợp đồng”. Tại Điều 25 CISG 1980 cũng quy định: “Một sự vi phạm hợp đồng do một bên gây ra là vi phạm cơ bản nếu sự vi phạm đó làm cho bên kia bị thiệt hại mà người bị thiệt hại, trong một chừng mực đáng kể bị mất cái mà họ có quyền chờ đợi trên cơ sở hợp đồng.”. Ta thấy trên tinh thần thì “vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ” trong BLDS năm

---

<sup>9</sup> Quốc hội (ngày 24 tháng 5 năm 2015). Khoản 3 Điều 423 Hủy bỏ hợp đồng. BLDS 2015 số 91/2015/QH13. Thư viện pháp luật.